

CƠ CẤU XÃ HỘI, SỰ PHÂN TẦNG XÃ HỘI VÀ CHÍNH SÁCH XÃ HỘI Ở NÔNG THÔN NAM BỘ

NGUYỄN CÔNG BÌNH

Nghiên cứu một cách khách quan động thái của cơ cấu xã hội Việt Nam hiện nay, chỉ ra những động lực và trở lực phát triển, từ đó huy động mọi động lực xã hội cho phát triển, đó là xây dựng những luận cứ cho việc đổi mới chính sách xã hội.

Trong bài này tôi chỉ trình bày một vài ý kiến có quan hệ tới chính sách xã hội ở nông thôn Nam Bộ.

1. Người trung nông vẫn đóng vai trò động lực phát triển nông nghiệp và nông thôn ở Nam Bộ

Xưa kia, đại địa chủ và tá điền chi phối cơ cấu xã hội nông thôn Nam Bộ. Cách mạng đã trung nông hóa nông dân Nam Bộ trước lúc người Mỹ áp dụng chính sách hữu sản hóa nông dân. Điều này cắt nghĩa vì sao Mỹ không lay chuyển được chỗ dựa nông thôn của cách mạng. Nhưng chính sách hữu sản hóa nông dân của chế độ cũ đã thúc đẩy nông nghiệp hàng hóa sang một quy mô mới, một trình độ cao hơn hẳn về kỹ thuật, về tiếp cận thị trường. Máy móc nông nghiệp, phân bón hóa học, giống mới... dẫn tới sự thay đổi về phân công lao động ở nông thôn và tất cả những yếu tố đó làm tăng chất lượng của người trung nông Nam Bộ vốn là người nông dân sản xuất hàng hóa. Họ càng gắn với thị trường, tìm cách thích ứng với thị trường, tự đào tạo mình qua thị trường. Nhưng rồi nông thôn Nam Bộ đảo lộn suốt 10 năm từ 1978 đến 1987, nhất là những đợt tập thể hóa và điều chỉnh lớn về ruộng đất. Hơn 50% ruộng đất bộ xáo trộn, hơn 70% nông hộ bị đục chàm. Một động lực xã hội lớn lao là tầng lớp trung nông mà cách mạng giải phóng dân tộc đã giành lại được hầu như bị triệt tiêu. Nhưng sau Nghị quyết 10, xu thế "*phi tập thể hóa*" diễn ra nhanh, phổ biến; vấn đề ruộng đất tìm lại được sự ổn định của những năm trước, người trung nông cũng được trở về vị trí của họ. Có thể nói, chưa bao giờ người nông dân Nam Bộ lại có cơ hội hoạt động, đúng với tính cách sản xuất kinh doanh của mình đem lại ích nước lợi nhà như hiện nay. Cũng chưa bao giờ người nông dân Nam Bộ có ý thức mạnh mẽ về nhân cách cá nhân của mình - một nhân cách được hình thành trong ba năm dưới chế độ tư hữu về ruộng đất và làm nông sản hàng hóa như hiện nay với mục tiêu dân giàu nước mạnh. Có thể nói, chưa bao giờ người nông dân Nam Bộ có cơ hội đóng vai trò động lực phát triển nông thôn như hiện nay dưới các chính sách đổi mới. Và chính sách này ở nông thôn thực sự là một chính sách xã hội lớn - bao gồm trong nó nhiều chính sách cụ thể về kinh tế, xã hội, văn hóa - để phát huy vai trò động lực xã hội của nông dân, của trung nông chiếm tuyệt đại bộ phận trong nông thôn hiện nay⁽¹⁾. Sự tăng trưởng nhanh về kinh tế nông nghiệp, sự tăng nhanh về sản lượng lương thực cũng như

1. Cuộc điều tra 700 hộ năm 1992 ở vùng dự án Nam Mang Thít cho biết có tới 96% này hộ có ruộng: 67,8% tổng số nông hộ có từ 0,5 h/hộ trở lên, 35% nông hộ có trên mức bình quân của vùng dự án (0,95 ha/hộ), 0,6% số hộ có qui mô trên 5 ha/hộ. Hộ có số ruộng nhiều nhất trong vùng này là 6,5ha. Trong số 700 hộ được điều tra, có 23,6% hộ có trồng cây ăn trái 29,6% tổng số hộ có làm các ngành nghề phi nông nghiệp. Thu nhập từ các ngành nghề phi nông nghiệp chiếm 20,8% tổng thu nhập, cao hơn cả thu nhập từ chăn nuôi (14,2) và từ nghề cá (2,2%) cộng lại.

lượng gạo xuất khẩu ở Nam Bộ, trong đó An Giang là tỉnh dẫn đầu (đạt tới 1.800.000 tấn lương thực gấp ba lần năm 1975) đã chứng minh những điều nói trên.

Nhưng phải chăng chỉ như vậy là nông thôn, nông nghiệp sẽ cứ đi lên? Nông hộ đang gắn mình với kinh tế hàng hóa nhưng liệu nông hộ có thể thúc đẩy kinh tế hàng hóa phát triển? Nông hộ đang là đơn vị kinh tế cơ bản ở nông thôn, nhưng liệu nông hộ có thể tự đảm đương việc phát triển nông nghiệp? Nông dân đã khước từ tập thể hóa nông nghiệp, nhưng phải chăng họ cũng không cần tới một kiểu hợp tác nào khác? Thực tế, những trở lực đã hiện ra trên con đường phát triển. Chính những người tiểu nông ấy đã cảm nhận hay và yêu cầu có những định chế kinh tế và xã hội được liên tục đổi mới. Tham gia vào chương trình qui hoạch tổng thể đồng bằng sông Cửu Long, một nhóm chuyên gia của Viện Khoa học Xã hội đã tiến hành hai cuộc điều tra lớn một cuộc vào tháng 5 - 1991 bằng bảng câu hỏi trực tiếp 640 chủ hộ và 376 nữ lao động ở 16 xã, trong 15 tiểu vùng sinh thái nông nghiệp khác nhau thuộc 9 tỉnh đồng bằng sông Cửu Long và một cuộc điều tra tháng 7 - 1992 cũng bằng bảng hỏi trực tiếp 700 hộ ở 7 xã trong vùng dự án Nam Mang Thít bao gồm toàn tỉnh Trà Vinh và 2 huyện tỉnh Vĩnh Long. Trong số gần một chục khó khăn lớn đang gặp phải, các chủ nông hộ đã bày tỏ những khó khăn lớn nhất theo thứ tự: thiếu vốn, thiếu nước ngọt, thiếu đất, thiếu được tiếp thị, thiếu kiến thức học vấn.

- *Thiếu vốn*: 68% chủ hộ người Việt, 82% chủ hộ người Khome ở vùng Nam Mang Thít đặt lên hàng đầu khó khăn lớn nhất là thiếu vốn (chứ không phải thiếu đất là thứ nhất). Họ đã rất cố gắng, 72,8% tổng số nông hộ trong vùng đó dành dụm số vốn ít ỏi thu được từ nông nghiệp của gia đình để tái đầu tư cho nông nghiệp. 60% nông hộ đã phải đi vay, trong đó chỉ có 16,4% người đi vay được vay vốn từ ngân hàng. Vốn cho trồng trọt, chăn nuôi bình thường đã thiếu, nếu thâm canh càng thiếu, và nếu đa canh hóa, làm tiểu thủ công nghiệp thì số vốn đòi hỏi nhiều gấp hàng chục lần. Như vậy để thực hiện một chính sách xã hội là phát huy được động lực xã hội chính từ những chủ nông hộ, để đi vào kinh tế thị trường, nhà nước phải đổi mới và hoàn thiện *định chế về tài chính tín dụng*, trong đó không chỉ cho nhiều người nhiều nghề được vay nhiều vốn hơn mà còn cần tạo ra điều kiện để họ trả được vốn vay một cách thuận lợi. *Ngân hàng kết hợp với tín dụng và với thương nghiệp* cho nông dân dễ dàng vay vốn khi cần và cũng mua nông sản của nông dân sau vụ thu hoạch, đó là một biện pháp, một chính sách kinh tế hữu hiệu đã được tổng kết từ những nước đang phát triển.

- *Thiếu nước ngọt* là một khó khăn lớn hiển nhiên, nhất là về mùa kiệt, cho sản xuất, nhất là đa loại hóa cây trồng và cho cả đời sống con người ở vùng đồng bằng cực nam châu thổ sông Mê Kông còn nhiều diện tích chua phèn, nhiễm mặn. Một chế độ khai thác và quản lý nguồn nước ngọt một cách hợp lý cũng phải đặt ra rồi.

- *Thiếu đất* cũng là một khó khăn lớn mà 35% hộ người Việt, 45% hộ người Khome vùng Nam Mang Thít đã khẳng định. Nó không chỉ chứng tỏ vai trò quan trọng của đất đối với sản xuất nông nghiệp, mà còn chứng tỏ đất của nông hộ đang chịu sức ép ngày càng gia tăng của nạn tăng dân số cao. Trong số 376 nữ nông dân được phỏng vấn năm 1991, 64% số nữ đã lập gia đình vẫn muốn có 4 con và 5 con trở lên. Đất của nông hộ đang chịu sức ép của một xã hội thuần nông nghiệp mà những ngành nghề thi nông nghiệp còn rất kém phát triển (điều tra 640 hộ năm 1991 chỉ có 1,4% hộ làm tiểu thủ công nghiệp, 1,4% làm các nghề khác). Vậy ngoài nghề trồng lúa, lao động của nông dân chưa được đa dạng hóa. Đất của nông hộ cũng bắt đầu chịu sức ép của thị trường ruộng đất, trong đó việc mua bán sang nhượng ruộng đất ngày càng phổ biến (điều tra năm 1991 trong số 621 hộ được phỏng vấn, 22,8% số hộ có tăng thêm diện tích ruộng, 14,35% hộ giảm diện tích ruộng so với năm 1987,

1987; số hộ mua và thuê thêm đất chiếm 45,7% trong tổng số hộ tăng thêm diện tích ruộng, số hộ bán và cho thuê đất chiếm 14,6% tổng số hộ giảm ruộng), nó cũng nói lên nguyện vọng của một số nông hộ muốn phát triển thành tiểu nông trại. Theo dự đoán của nhóm nghiên cứu nếu khuyến khích hình thức nông trại thì trong vòng mười năm nữa cũng chỉ có tiểu nông trại với quy mô 5 - 10 hecta mà thôi. Tóm lại, tuy đã có Luật đất đai, nhưng định chế về ruộng đất vẫn cần được hoàn thiện hơn nữa để phục vụ cho việc sản xuất, kinh doanh nông nghiệp và phát triển nông thôn.

- *Thiếu tiếp thu* cũng rất hiển nhiên ở vùng nông nghiệp lớn nhất cả nước người nông dân phải mò mẫm tính toán cho đầu ra và cả đầu vào của mình và càng phải mò mẫm hơn trong điểm xuất phát của con đường hiện đại hóa nông nghiệp.

Trong những khó khăn lớn nhất, phải kể đến khó khăn lớn cấp bách phải giải quyết cho nông dân, cho nông thôn là tình trạng *thiếu học vấn*. Có thể nói có sự tương phản giữa tăng trưởng kinh tế và tình trạng học vấn, sinh hoạt văn hóa thấp kém trong vùng nông nghiệp trù phú nhất nước. Trong cuộc điều tra 621 chủ hộ năm 1991 ở 15 tiểu vùng thuộc 9 tỉnh, có 10,4% tổng số chủ hộ mù chữ, 19,97% chỉ biết đọc, biết viết, 43% cấp I, không có người nào là cao đẳng đại học. Trong cuộc điều tra 700 hộ ở Nam Mang Thít, trong đó 22% chủ hộ người Khome, có tới 14,3% tổng số chủ hộ không biết chữ (7,5% chủ hộ Việt, 35,5% Khome). Nếu khó khăn về giáo dục và văn hóa không được tập trung giải quyết sớm thì bản thân con người ở vùng kinh tế quan trọng này cũng sẽ không có sức để tiếp nhận sự chuyên giao kỹ thuật trong công nghiệp phát triển.

Thực tế, nhiều chính sách đổi mới đang được hoàn thiện, và người nông dân cũng thể hiện sự nỗ lực của họ. Chẳng hạn, chính sách tín dụng đang được cải tiến và người nông dân, theo cuộc điều tra ở vùng Nam Mang Thít đã có tới 81,3% tổng số hộ có vay mượn dùng tiền vay mượn đó đầu tư vào sản xuất. Chẳng hạn, chính sách khuyến nông đang được mở rộng, và trong vòng 5 năm trở lại đây đã có 25% số hộ áp dụng cách trồng lúa mới, 10,7% số hộ áp dụng giống cũ theo cách canh tác mới; 20,9% hộ áp dụng cách bón phân mới, 23,4% hộ sử dụng thuốc trừ sâu theo hướng dẫn chuyên môn. Với sự nỗ lực của người nông dân, cơ cấu xã hội ở nông thôn cũng chuyển dịch theo chiều hướng tiến bộ, phát triển. Nếu cuộc điều tra 1.000 hộ năm 1984 do Viện Khoa học Xã hội tiến hành, mới có 20% tổng số hộ ở đồng bằng sông Cửu Long làm các ngành nghề phi nông nghiệp thì ngày nay tỉ lệ đó đã tăng lên xấp xỉ 30%. Trong cuộc điều tra 1992, 4% tổng số hộ ở Nam Mang Thít cho biết có dự kiến sẽ mở mang 7 ngành nghề tiểu thủ công nghiệp. Và một điều lý thú, 10% trong nhóm, hộ loại khá giả đang đẩy mạnh hoạt động tiểu thủ công nghiệp trong gia đình học. Tóm lại, để thực hiện một chính sách xã hội phát huy động lực chính đối với phát triển nông nghiệp, phát triển nông thôn trong lúc này phải đổi mới, hoàn thiện nhiều chính sách cụ thể về kinh tế xã hội, văn hóa: tài chính tín dụng, ruộng đất khuyến nông, tiếp thị, công nghiệp chế biến, giáo dục, văn hóa. Trong sự đổi mới và hoàn thiện về chính sách xã hội thì cơ cấu xã hội cũng chuyển dịch theo chiều hướng tiến bộ, phát triển. Đó là chiều hướng biến đổi về mặt kinh tế *không chỉ là nông nghiệp thuần túy nữa mà phải gắn nông nghiệp với sự nghiệp công nghiệp hóa*.

2- Về sự phân tầng, phân hóa trong nông thôn và chính sách an sinh xã hội.

Ai cũng thấy trong xã hội ta, trong nông thôn ta còn nhiều người nghèo. Thống kê, báo chí đã công bố ở từng lúc, từng nơi số lượng, tình trạng *nghèo tương đối của bộ phận dân cư có mức sống dưới mức sống trung bình, có sự cách biệt về thu nhập, mức sống giữa*

người nghèo với người khá giả, giàu có, và nghèo tuyệt đối dưới mức sống tối thiểu, không đủ điều kiện tối thiểu làm ăn sinh sống.

Cuộc điều tra 700 nông hộ trong vùng dự án Nam Mang Thít - một vùng khá tiêu biểu cho đồng bằng sông Cửu Long (vùng nông nghiệp, giáp sông và biển, có vùng phù sa ngọt, vùng phèn và nhiễm mặn, trình độ đô thị hóa thấp, có dân tộc ít người cùng sống chung với người Việt) cho thấy:

	Toàn vùng	Người Việt	Người Khome	%
Khá giả (trên 150.000 đ/người/tháng)	7,3	8,8	0,7	
Trung bình (từ 20.000 đ đến 150.000 đ/người/tháng)	74,1	75,8	67,0	
Nghèo khổ (dưới 20.000 đ/người/tháng)	18,6	9,8	73,5	

Ở Nam Mang Thít có tới 62,6% tổng số hộ thu nhập dưới mức bình quân (68.000 đ/người/tháng). Số người nghèo tuyệt đối (dưới 20.000 đ/người/tháng) chiếm một tỷ lệ rất cao: 18,6%⁽¹⁾. Tầng lớp người nghèo quá lớn. Chúng tôi chưa muốn trình bày chi tiết về cơ cấu thu nhập của những nhóm người theo từng tiểu vùng sinh thái, theo từng ngành nghề, cũng chưa trình bày về cơ cấu phân bố thu nhập (chi tiêu cho sản xuất, cho ăn mặc, cho nhà ở, cho học hành, chữa bệnh, cưới xin lễ lộc, cho mua sắm) vì thấy cần tìm hiểu vì sao số người nghèo lại đông đến thế ở một vùng nông nghiệp cổ tiếng là trù phú. Một câu hỏi quan trọng: *Phải chăng nền kinh tế thị trường và thủ phạm chính, nó đã dẫn tới sự phân hóa sâu sắc trong xã hội nông thôn?* Qua nghiên cứu, câu trả lời của chúng tôi là *ngược lại*. Trong nông thôn Nam Bộ đúng là có hiện trạng *phân tầng xã hội rõ rệt* và nền kinh tế thị trường, dựa trên cạnh tranh, không khỏi không gây ra sự phân hóa xã hội. Nhưng hiện trạng đối nghèo, hiện trạng phân tầng xã hội rõ rệt *chính là do nền kinh tế hàng hóa còn chưa được phát triển cao trong nông nghiệp*. Một xã hội còn thuần nông nghiệp, chưa dứt bỏ được độc canh cây lúa, chưa đa canh hóa, chưa phát triển được tiểu thủ công nghiệp và đô thị hóa thì nó cũng chưa rũ bỏ được cảnh nghèo khó vốn có của nó, hơn nữa còn tăng thêm nghèo khổ, nhất là vốn có của nó, hơn nữa còn tăng thêm nghèo khổ, nhất là khi gặp phải thiên tai.

20 năm trước 1975, Mỹ đã chủ trương đưa miền nam vào con đường tư bản chủ nghĩa, nhưng với hàng chục tỉ đôla viện trợ quân sự và kinh tế, nó mới tạo ra được một cách chậm chạp một chủ nghĩa tư bản Việt Nam ở thành thị, còn ở nông thôn thì chưa. Mà ngay ở thành thị, theo thống kê năm 1974, trong công nghiệp có 8.130 cơ sở có đăng ký hoạt động (và 5.000 cơ sở nhỏ, có hoạt động nhưng không đăng ký), trong đó 6.500 cơ sở có dưới 10 công nhân, 1.500 cơ sở có từ 10 đến 100 công nhân, chỉ có 143 cơ sở từ 100 đến 500 công nhân. Giới tiểu chủ rất đông đảo vẫn là lực lượng nòng cốt của giới công kỹ nghệ miền Nam.

1. Đầu năm 1992, cuộc điều tra của Cục Thống kê TP HCM cho biết: thu nhập bình quân của người dân ngoại thành thành phố Hồ Chí Minh đạt 126.000 đ/người/tháng. Có 8% - 9% hộ nông dân thu nhập đối nghèo với mức thu nhập bình quân 25.600 đ/người/tháng.

Ở nông thôn, những cuộc điều tra của Viện Stanford, của phái đoàn đại học tiểu bang Michigan cho biết việc buôn bán khá nhộn nhịp, cửa hàng tạp hóa và sửa chữa khá nhiều, nhưng theo báo cáo của công ty CDC cho USAID năm 1970: 20% nhà nông ở đồng bằng sông Cửu Long kinh doanh ngoài nông nghiệp, trong đó 15% (tức 3% tổng số hộ) có thu nhập thuần gấp 10 lần nhà buôn nhỏ.

Năm 1978, cuộc điều tra của Ban Nông nghiệp Trung ương tại các tỉnh đồng bằng sông Cửu Long phân làm 5 loại nông hộ:

Hộ loại 1, làm các ngành nghề ngoài nông nghiệp chiếm	2,1%
Hộ loại 2, hộ nông dân thiếu ruộng và không ruộng	22,7%
Hộ loại 3, trung nông	56,7%
Hộ loại 4, trung nông trên	15,4%
Hộ loại 5, phú nông hoặc tư sản nông thôn	3,1%

Gọi là "phú nông" hay "tư sản nông thôn" vì có thuê mướn nhân công. Nhưng cuộc điều tra về tình hình thuê mướn nhân công của hộ loại 5, ở An Giang là 2,2/1 (thuê 8.222 ngày công, gia đình làm lấy 3.646 ngày công), ở Tiền Giang là 1,111 (3.840/3.362). Vậy hộ loại 5 vẫn là những nông hộ có lao động.

Nhưng dù có thuê mướn công nhân, cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa cũng xóa đi cả tư bản chủ nghĩa ở thành thị lẫn những mầm mống manh nha của nó ở nông thôn. Trong khi đó, một số người không ruộng đất, có đi làm thuê vẫn không vắng mặt ở nông thôn. Và nếu số này là 1, thì số thất nghiệp trá hình, số lao động khiếm dụng gấp 10 lần và thậm chí hàng chục lần.

Trong nông nghiệp, ngoài nghề trồng lúa, các ngành nghề khác đều phát triển còn rất chậm chạp, kể cả thời kỳ sau 1986. Cuộc điều tra ở vùng Nam Mang Thít năm 1992 về cơ cấu thu nhập thì ngoài nghề trồng lúa, các ngành nghề khác đều chiếm một tỷ lệ nhỏ: chăn nuôi 14,2%, tôm cá 2,2%, dịch vụ buôn bán 12,6%, tiểu thủ công nghiệp 8,2%.

Làm lúa là cần, là chiến lược quốc gia. Nhưng chỉ làm lúa thì không giàu, (hiện nay ở Tiền Giang, Long An nhiều nơi đã bỏ đi phương thức luân canh 3 vụ). Cuộc điều tra ở 16 xã năm 1991 cho thấy ở những nơi chỉ trồng lúa thu nhập kém xa những nơi có làm các ngành nghề khác.

Không phải cư dân đồng bằng sông Cửu Long không có khả năng làm các ngành nghề khác, cũng không phải điều kiện tự nhiên không cho phép. Ngoài số lấy trồng lúa là chính, thực tế đã có 5,7% tổng số cư dân làm vườn, 1,2% chăn nuôi, 3,8% nghề cá, 8% dịch vụ, 1,4% tiểu thủ công nghiệp. Thu nhập của những nhóm cư dân này từ các ngành nghề ngoài đồng lúa chiếm một tỷ lệ đáng kể: 14,3% tổng số hộ có làm các ngành nghề khác kiếm được từ các ngành nghề này 2/3 tổng thu nhập, lý số hộ kiếm được 1/2 tổng thu nhập, 33% số hộ kiếm được 1/3 tổng thu nhập của gia đình.

Tình trạng kém phát triển của ngành nghề phi nông nghiệp, do sự chậm chạp trong công tác tiếp thị, đang kìm hãm sự phân công lao động, không kích thích sự đổi mới của cơ cấu kinh tế, không đa dạng hóa năng lực sản xuất của nông dân, ngăn trở sự nâng cao phúc lợi dân cư duy trì tình trạng thất nghiệp và khiếm dụng lao động rất lớn ở nông thôn.

Sự tồn tại của những lớp cư dân nghèo đói đòi hỏi phải có chính sách *an sinh xã hội* Trong chính sách an sinh xã hội có chính sách đền ơn đáp nghĩa, có chính sách bảo trợ, trợ cấp (thí dụ với những thương binh, con liệt sĩ, những người già, trẻ em không nơi nương tựa), có những hoạt động từ thiện khác. Những chính sách an sinh xã hội phải gắn chặt với chiến lược phát triển kinh tế hàng hóa nhiều thành phần để người dân có thể làm giàu và

nhà nước cũng có thể tăng nguồn thu điều tiết từ các tầng lớp có thu nhập quá chênh lệch nhau. Điều tiết bằng những chính sách kinh tế, chứ không phải "lấy của nhà giàu san cho người nghèo. Mọi biện pháp kinh tế đều *khuyến khích người dân làm giàu, đồng thời tạo công ăn việc làm, tạo điều kiện tự kiếm sống, tự tăng thu nhập của người nghèo.*

Chính sách an sinh xã hội là của nhà nước, nhưng chính sách này chỉ có thể thực hiện có hiệu quả dựa trên sự huy động của mọi lực lượng, mọi tổ chức, mọi cộng đồng xã hội trong toàn dân, đồng thời cũng tranh thủ các nguồn lực tài trợ từ nước ngoài.

*

* *

Chính sách xã hội là đem tài nguyên con người phục vụ mục tiêu phát triển. Chính sách xã hội có thể bao gồm nhiều chính sách cụ thể về kinh tế, xã hội, văn hóa xen kẽ nhau, tác động lẫn nhau nhằm nâng cao đời sống vật chất và văn hóa tinh thần của nhân dân. Chính sách xã hội thúc đẩy sự tăng trưởng kinh tế mà sự tăng trưởng này cần được kết hợp hài hòa với phát triển xã hội. Chính sách xã hội do Đảng và nhà nước đặt ra, nó sẽ đi vào cuộc sống xã hội khi các cá nhân, các tầng lớp, các cộng đồng dân cư tìm thấy lợi ích và trách nhiệm trong chính sách và họ được phát huy thành các động lực thực hiện chính sách ấy.

Vài năm qua, nông thôn Nam Bộ cùng cả nước đã khởi sắc. Cùng với sự đổi mới về chính sách là sự chuyển dịch về cơ cấu xã hội theo chiều hướng tiến bộ, phát triển. Nhưng mới là bước đầu. Bài toán phát triển xã hội còn phải giải tiếp để hiện đại hoá nông nghiệp và xây dựng một nông thôn mới theo định hướng xã hội chủ nghĩa ở nước ta. Nông thôn Nam Bộ với lịch sử và truyền thống con người, với thế "ba chân vạc" của 3 vùng ở Nam Bộ: thành phố Hồ Chí Minh, đồng bằng sông Cửu Long, miền Đông Nam Bộ, trong đó có hạt nhân là TP Hồ Chí Minh - Biên Hòa - Bà Rịa Vũng Tàu, sẽ là thuận lợi để đưa ra được những đáp số cho bài toán phát triển xã hội.